

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN TRỌNG PHÚC

**CHẾ ĐỊNH CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN
THEO LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật hình sự

Mã số : 62 38 40 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2010

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Người hướng dẫn khoa học: GS.TSKH Lê Văn Cẩm
TS. Trần Quang Tiệp***

***Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Tất Viên
Bộ Tư pháp***

***Phản biện 2: TS. Trương Quang Vinh
Trường Đại học Luật Hà Nội***

***Phản biện 3: TS. Nguyễn Ngọc Chí
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội***

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước tại
Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2010.

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Trọng Phúc (2005), "Một số vấn đề về thời điểm kết thúc của thời hạn được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự", *Nhà nước và pháp luật*, 6(206), tr. 62-71.
2. Nguyễn Trọng Phúc (2005), *Chế định các biện pháp ngăn chặn và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Thừa Thiên Huế*, Chủ nhiệm đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ, mã số: B2004-07-14.
3. Nguyễn Trọng Phúc (2008), "Bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong luật tố tụng hình sự Việt Nam", *Nhà nước pháp luật*, 2(238), tr. 74-76.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền có nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người, quan điểm của Đảng ta về việc hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm (ĐTCTP) theo hướng xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật là nòng cốt, phát huy sức mạnh của toàn xã hội có ý nghĩa quan trọng, định hướng cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) nói chung, chế định các biện pháp ngăn chặn (BPNC) nói riêng.

Các BPNC và những quy định liên quan bảo đảm tính khả thi là một chế định quan trọng của pháp luật TTHS. Bởi lẽ, chúng là phương tiện cưỡng chế Nhà nước có hiệu quả nhất để phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Việc áp dụng các biện pháp này sẽ hạn chế quyền và tự do cá nhân được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận. Trong trường hợp, người bị oan bị áp dụng các BPNC, thì "Chẳng những người ấy đau khổ, mà cả gia đình, con cái họ". Và không ít trường hợp áp dụng, thay thế, hủy bỏ biện pháp tạm giam chịu sự tác động của tiêu cực. Những vấn đề này làm giảm uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng (THTT) và giảm sút lòng tin của nhân dân vào chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Mặt khác, chế định này còn là phương tiện pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân đối với người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cả người liên quan đến tội phạm chưa bị khởi tố, bị can, bị cáo, cũng như thân nhân của họ. Để thi hành được các BPNC, Nhà nước phải bỏ ra những chi phí không nhỏ cho hoạt động của cơ quan tư pháp hình sự, cơ sở vật chất nhà tạm giữ, trại tạm giam và nhiều khoản bồi thường thiệt hại cho người bị oan. Bởi vậy, chế định các BPNC và việc thi hành chúng luôn gắn liền với chính trị, pháp luật, xã hội, kinh tế mà Nhà nước, tổ chức và cá nhân đều đặc biệt quan tâm.

Tuy nhiên, trong khoa học luật TTHS, chế định các BPNC vẫn chưa được quan tâm, nghiên cứu một cách thỏa đáng đối với tầm quan trọng của nó theo định hướng của Đảng ta về việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ĐTCTP. Ví dụ, dưới góc độ khoa học, nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ để có quan điểm thống nhất, đầy đủ và toàn diện, như: khái niệm BPNC, bản chất pháp lý, mục đích, căn cứ áp dụng, căn cứ phân loại và những nguyên tắc áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC; còn thiếu những tổng kết, đánh giá thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ chúng, giải quyết việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền TTHS gây ra, hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng; bên cạnh đó, pháp luật thực định vẫn chưa có định nghĩa pháp lý về BPNC; chúng là hệ thống độc lập được quy định tại Chương VI của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003, nhưng vẫn còn nhiều quy phạm nằm rải rác tại một số chương khác nhau làm mất đi tính khoa học cần thiết của nó; các quy phạm về: bắt bị can, bị cáo để tạm giam, tạm giữ và cấm đi khỏi nơi cư trú (các điều 80, 86, 91) đều không có căn cứ áp dụng; căn cứ khởi tố bị can không rõ ràng về định lượng, định tính (Điều 126) ảnh hưởng trực tiếp đến việc ra quyết định áp dụng các BPNC; quy định về bắt giữ trong Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý (TTTP&PL) không phù hợp với bắt và tạm giữ trong 2003; Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan do người có thẩm quyền trong TTHS gây ra (Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH) có những nội dung bất cập; thực tiễn áp dụng chế định trên đòi hỏi khoa học luật TTHS giải đáp những vấn đề nổi cộm sau đây: bằng biện pháp nào

để hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam; định lượng thời hạn tạm giam bao nhiêu là cần thiết để hoàn thành hoạt động điều tra; với biện pháp nào để khắc phục được tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp, tư tưởng "bắt thay cho điều tra"; cơ chế bảo đảm quyền bồi thường thiệt hại cho người bị oan; sự công bằng trách nhiệm hoàn trả giữa những người THPT đều cùng có lỗi trong việc gây ra oan; nên hay không nên loại bỏ biện pháp bắt ra khỏi hệ thống các BPNC, tiếp thu thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giam tại phiên tòa; v.v..

Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa những vấn đề lý luận đối với chế định các BPNC, thực tiễn áp dụng thay thế, hủy bỏ chúng trong một khoảng thời gian tương đối dài (1998-2008) và việc giải quyết bồi thường cho người bị oan trong thời gian gần đây (2003-2006) nhằm đánh giá những mặt tích cực, hạn chế, xác định những nguyên nhân, tồn tại của chúng, trên cơ sở đó đưa ra phương hướng hoàn thiện chế định các BPNC nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng trong giai đoạn hiện nay không những có ý nghĩa lý luận, thực tiễn quan trọng, mà còn là vấn đề cấp thiết mang tính thời sự. Đây là lý do giải thích cho việc quyết định chọn đề tài: "**Chế định các biện pháp ngăn chặn theo luật tố tụng hình sự Việt Nam**".

2. Tình hình nghiên cứu

Chế định các BPNC có nhiều nội dung phong phú và việc áp dụng chúng là vấn đề nhạy cảm. Bởi vì, chính các biện pháp này là phương tiện ngăn chặn tội phạm có hiệu quả nhất và bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo đúng trình tự, thủ tục mà BLTTHS quy định, nhưng chúng lại bị lạm dụng quá mức cần thiết và không "tiết kiệm". Đi đôi với việc áp dụng các biện pháp đó, một số quyền và tự do cá nhân được ghi nhận trong Hiến pháp, pháp luật sẽ bị hạn chế và có thể bị xâm hại. Bởi vậy, chúng trở thành trọng tâm nghiên cứu của nhiều nhà lý luận, cán bộ làm công tác thực tiễn trong các ngành bảo vệ pháp luật ở trong và ngoài nước.

Đầu tiên, ở Liên Xô trước đây và Liên bang Nga sau này có rất nhiều tác giả nghiên cứu những biện pháp cưỡng chế TTTH nói chung và các BPNC nói riêng với phạm vi, mức độ sâu sắc khác nhau mà Luận án này có tham khảo để phân tích. Theo đó, nhóm tác giả nghiên cứu về nội dung của biện pháp cưỡng chế TTTH và các vấn đề có liên quan gồm: M.A. Trenin về "*Tố tụng hình sự Xô viết*", Matxcova, 1954; M.S. Strôgôvich về "*Khóa học tố tụng hình sự Xô viết*"; Maxtcova, 1958; P.P. Jakimop về "*Áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng theo các nguyên tắc pháp luật tố tụng hình sự của Liên Xô và các nước cộng hòa liên bang*", Nxb Sverdlovsk, 1961; I.I. Karpes về "*Cá thể hóa hình phạt*", Nxb Pháp lý, Maxtcova, 1961; A.A. Philiusencô "*Về cưỡng chế tố tụng hình sự*", Nxb Luật học, 1974; E.M. Kliukôp về "*Biện pháp ngăn chặn*", Nxb Đại học Kazan, 1974; Z.F. Kovriga "*Về cưỡng chế tố tụng hình sự*", Nxb Đại học tổng hợp Varônhets, 1975; N.A. Ogursov về "*Quan hệ pháp luật và trách nhiệm trong pháp luật hình sự Xô viết*", Nxb Riazan, 1976; P.M. Đavudôp về "*Vấn đề bản chất của trách nhiệm hình sự là các phương tiện tố tụng thực hiện nó - Những vấn đề đấu tranh chống tội phạm*", Nxb Omsk, 1976; G.C. Capkicôv về "*Các biện pháp tố tụng phòng ngừa tội phạm*", Nxb nước Cộng hòa Armian, 1978; V.M. Kornukov về "*Các biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự*", Nxb Đại học tổng hợp Saratov, 1978; I.L. Pêtrukhin về "*Tự do cá nhân và cưỡng chế trong tố tụng hình sự*", Nxb Khoa học, Maxtcova, 1985;

Nhóm tác giả nghiên cứu những vấn đề về các BPNC với mức độ chuyên sâu như: P.M. Đavudôp về "*Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự Xô viết*", Tóm tắt luận án PTS, Lenigrad, 1953; Iu.Đ. Livsix về "*Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự Xô viết*", Nxb Sách pháp lý, 1964; Z.D. Enhikeev về "*Những vấn đề hiệu quả*

của các biện pháp ngăn chặn tố tụng hình sự", Nxb Đại học tổng hợp Kazan, 1982; I.L Trunov và L.K Trunova về "Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự", Nxb Trung tâm pháp lý, Xankt - Peterburg, 2003; v.v... Những tác giả nêu trên đã nghiên cứu nội dung các BPNC hay các biện pháp cưỡng chế theo pháp luật thực định của nước cộng hòa thành viên hoặc của Liên Xô trước đây và Liên bang Nga sau này. Riêng về các BPNC thì họ đã làm sáng tỏ các vấn đề sau: a) Khái niệm BPNC; c) Căn cứ tố tụng áp dụng các BPNC; b) Chủ thể có quyền áp dụng các BPNC; d) Mục đích và ý nghĩa áp dụng các BPNC; e) Bản chất pháp lý của BPNC là tính cưỡng chế Nhà nước và phòng ngừa; g) Phân tích sự khác biệt giữa BPNC và TNHS. Tuy nhiên, còn bỏ ngỏ một số nội dung ảnh hưởng đến hiệu quả áp dụng như: a) Nguyên tắc áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC; b) Căn cứ phân loại các BPNC theo ba tiêu chí: đối tượng tác động, việc cách ly ra khỏi cộng đồng, sự phê chuẩn của Viện kiểm sát (VKS); v.v...

Sau đó, ở trong nước, cho đến nay đã có nhiều công trình chuyên khảo nghiên cứu các BPNC với phạm vi và mức độ khác nhau đáng chú ý như:

Nhóm tác giả nghiên cứu nội dung các BPNC và một số vấn đề có liên quan bảo đảm nâng cao hiệu áp dụng gồm: TS. Nguyễn Vạn Nguyên về "*Các biện pháp ngăn chặn và những vấn đề nâng cao hiệu quả của chúng*", Nxb Công an nhân dân, 1995; Nguyễn Minh Ngọc về "*Sửa đổi các quy định về bắt và việc kháng nghị tăng hình phạt trong Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi)*" trong Tạp chí Kiểm sát, số 6, 2003; TS. Trần Quang Tiệp "*Về tự do cá nhân và biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự*", Nxb Chính trị quốc gia, 2005; Lại Văn Trình về "*Tăng cường bảo đảm các quyền tự do dân chủ của công dân trong áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn xét xử*" trong Tạp chí Tòa án nhân dân (TAND), số 10, 2006; v.v...

Nhóm thứ hai nghiên cứu đầy đủ các BPNC hoặc từng BPNC riêng lẻ gồm: ThS. Nguyễn Mai Bộ về "*Một số ý kiến về việc sửa đổi Chương V Bộ luật tố tụng hình sự về những biện pháp ngăn chặn*", đăng trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 7/1998; Đinh Văn Quế về "*Tòa án sơ thẩm áp dụng, thay thế hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn xét xử*" trong Tạp chí TAND, số 6, 1999; Bùi Kiên Điện "*Về biện pháp ngăn chặn bảo lãnh*" trong Tạp chí Luật học, số 1, 1999; TS. Nguyễn Duy Thuần về "*Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự - những vấn đề về lý luận và thực tiễn*", Nxb Công an nhân dân, 1999; Đặng Xuân Đào về "*Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*" trong Tạp chí TAND số 5, 2001; TS. Trịnh Văn Thanh về "*Hệ thống biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng của lực lượng cảnh sát nhân dân*", Nxb Công an nhân dân, 2001; ThS Nguyễn Trọng Phúc "*Về biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam*" trong Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 5, 2002; Nguyễn Văn Oanh về "*Hoàn thiện việc tạm giam đối với bị cáo*" trong Tạp chí TAND, số 5, 2003; Đinh Hữu Tời về "*Một số ý kiến đóng góp sửa đổi luật tố tụng hình sự*" trong Tạp chí Kiểm sát, số 6, 2003; Mai Bộ và Hoàng Ngọc Thành "*Về các biện pháp ngăn chặn trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi*" trong Tạp chí TAND, số 8, 2003; Tạ Tấn Phong về "*Biện pháp ngăn chặn phải phục vụ tốt cho công tác điều tra*" trong Tạp chí TAND số 8, 2003; TS. Trần Quang Tiệp về "*Biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp*" trong Tạp chí TAND, số 17, 2006. Ngoài ra, trong nhiều giáo trình, bình luận Khoa học đang sử dụng cho chương trình đào tạo đại học, sau đại học của các cơ sở đào tạo luật học, nội dung các BPNC được nhiều tác giả phân tích làm rõ, như: *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2001, do TS. Nguyễn Ngọc Chí chủ biên (Chương VIII); *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà

Nội, 2006 do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên (Chương VII); *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2007 do TS. Hoàng Thị Minh Sơn chủ biên (Chương V); *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam* (Dùng cho hệ đào tạo sau đại học), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003 do GS.TS Đỗ Ngọc Quang chủ biên; *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2007 của GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên;... và trong đề tài có tính khoa học, lý luận, thực tiễn ở mức độ cao hơn, luận án tiến sĩ 2003 về: "*Biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam (thực trạng, nguyên nhân và giải pháp)*" của TS. Nguyễn Văn Điệp.

Khái quát tất cả các công trình nghiên cứu trên, cho thấy: *Về hình thức*, những tác giả trên đây mới chỉ dừng lại giải quyết một số nội dung hoặc một phần trong chế định các BPNC hay một khối lượng kiến thức cơ bản trong một mục của giáo trình Luật TTHS Việt Nam. Ở cấp độ khoa học cao nhất và mới nhất đề cập đến các BPNC được quy định trong BLTTHS 2003, luận án tiến sĩ của Nguyễn Văn Điệp cũng chỉ dừng lại nghiên cứu ba BPNC tác động lên thể chất của đối tượng và thực tiễn áp dụng. Những tác giả đó đều lấy quy phạm về các BPNC trong hai BLTTHS 1988 và 2003 làm đối tượng nghiên cứu, nhưng tuyệt nhiên chưa đề cập đến quy phạm về bắt tạm giữ để dẫn độ được đề cập trong các Hiệp định TTTP&PL mà Việt Nam đã ký kết với nước ngoài, cũng như việc bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan do người có thẩm quyền tố tụng áp dụng các BPNC gây ra được quy định tại Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH và thực tiễn áp dụng. *Về nội dung*, các tác giả đã đề cập đến khái niệm BPNC với những vấn đề riêng lẻ, như: căn cứ, người có thẩm quyền, mục đích áp dụng, đối tượng bị áp dụng và đưa ra nhiều quan niệm khác nhau; đề xuất những kiến nghị để hoàn thiện các BPNC trong pháp luật TTHS Việt Nam. Các nghiên cứu đó cũng đã lạc hậu với những mục tiêu, quan điểm, định hướng của Đảng ta được khẳng định tại Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về "Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020" (Nghị quyết 48-NQ/TW) và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020" (Nghị quyết 49-NQ/TW). Đến nay chưa có công trình nào đề cập đến khái niệm BPNC với đầy đủ năm tiêu chí: bản chất pháp lý, đối tượng bị áp dụng, căn cứ áp dụng, chủ thể có quyền áp dụng, mục đích áp dụng; phân loại các BPNC theo ba căn cứ: đối tượng tác động của các BPNC, sự cách ly đối tượng, sự phê chuẩn của VKS; nguyên tắc áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC; chưa đánh giá toàn bộ quá trình thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ các biện pháp trên theo cả hai BLTTHS 1988 và 2003 trong mười một năm (1988-2008); chưa nghiên cứu việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan theo Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH và thực tiễn áp dụng trong bốn năm (2003-2006) để tìm ra những tồn tại, nguyên nhân của chúng và còn bỏ ngỏ những kiến nghị tổng hợp, hệ thống đối với toàn bộ chế định các BPNC theo mục tiêu, định hướng, quan điểm của Đảng ta được xác định tại Nghị quyết 48-NQ/TW và Nghị quyết 49-NQ/TW.

Bởi vậy, việc tiếp tục nghiên cứu chế định các BPNC một cách sâu sắc, toàn diện hơn nữa vẫn là vấn đề cần thiết mang tính thời sự.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

*** Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của luận án là nghiên cứu những vấn đề cụ thể của chế định các BPNC và thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ chúng, qua đó đánh giá những tồn tại, nguyên

nhân của chúng, đồng thời đưa ra hệ thống giải pháp hoàn thiện chế định các biện pháp đó trong pháp luật TTHS Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng.

*** *Nhiệm vụ nghiên cứu***

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu ra trên đây, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Về mặt lý luận: Bằng việc phân tích khoa học luận án đã xây dựng hệ thống các quan điểm có tính chất học thuật về các BPNC mà cụ thể là: 1) Xây dựng khái niệm khoa học về BPNC bảo đảm tính khoa học, logic, đầy đủ, chính xác, thể hiện rõ bản chất pháp lý của chúng; đưa ra các tiêu chí, căn cứ để phân loại, phân biệt các BPNC và phân tích ý nghĩa của chúng; 2) Phân tích nguyên tắc áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC; 3) Hệ thống hóa sự hình thành và phát triển các BPNC trong pháp luật TTHS từ thời kỳ phong kiến cho đến nay, từ đó, rút ra những giá trị tiến bộ, nhân đạo để kế thừa kinh nghiệm lập pháp. *Về mặt thực tiễn:* 1) Nghiên cứu, đánh giá những quy phạm về các BPNC theo bốn tiêu chí: đối tượng bị áp dụng, căn cứ áp dụng, người có thẩm quyền áp dụng, thủ tục thực hiện, cũng như quy phạm về bắt tạm giữ người để dẫn độ và bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động TTHS gây ra; 2) Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC, cũng như việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động TTHS gây ra; chỉ ra những tồn tại và nguyên nhân của chúng; 3) Từ kết quả nghiên cứu pháp luật thực định và thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC, cũng như việc bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan, luận án chỉ ra sự cần thiết, quan điểm và phương hướng hoàn thiện chúng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng trong công cuộc phòng ngừa và ĐTCTP ở Việt Nam.

*** *Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận án đúng như tên gọi của nó: "*Chế định các biện pháp ngăn chặn theo luật tố tụng hình sự Việt Nam*".

*** *Phạm vi nghiên cứu***

Luận án nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể của chế định các BPNC và thực tiễn áp dụng, đó là: bản chất pháp lý, căn cứ áp dụng, người có thẩm quyền áp dụng, đối tượng bị áp dụng, mục đích và phạm vi áp dụng để đưa ra khái niệm khoa học về BPNC; phân biệt, phân loại các BPNC với các biện pháp cưỡng chế TTHS khác theo nhiều tiêu chí và căn cứ; nghiên cứu những nguyên tắc áp dụng, thay thế, hủy bỏ chúng; hệ thống hóa sự hình thành và phát triển chúng trong pháp luật TTHS Việt Nam từ thời phong kiến cho đến nay; phân tích các quy phạm về các BPNC được quy định tại BLTTHS 2003, Hiệp định TTTP&PL, cũng như về bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động TTHS gây ra theo Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH để chỉ ra những bất cập của chúng; phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC trong khoảng thời gian mười một năm và thực tiễn giải quyết việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền TTHS gây ra trong khoảng thời gian bốn năm gần đây để xác định những tồn tại và nguyên nhân của chúng, qua đó chỉ ra sự cần thiết, quan điểm và phương hướng hoàn thiện chế định này.

Về thời gian: việc phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC trong khoảng thời gian liên tục từ năm 1998 đến năm 2008 và lấy mốc năm 2003 ban hành BLTTHS hiện hành để tách khoảng thời gian này thành hai giai đoạn 1988-2002 và 2003- 2008 và có cơ sở đánh giá hiệu quả áp dụng cả hai Bộ luật này.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu nói trên, cơ sở lý luận của luận án được dựa trên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách pháp luật của Nhà nước ta về phòng ngừa và ĐTCTP trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp hiện nay. Đó là cơ sở phương pháp luận để giải quyết nội dung cần nghiên cứu của luận án. Ngoài ra, luận án còn dựa vào những thành tựu đã đạt được từ các chuyên ngành khoa học pháp lý, như: triết học, lịch sử nhà nước và pháp luật, lý luận về nhà nước và pháp luật, xã hội học pháp luật, luật hình sự, luật TTHS, các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo, bài viết trong các tạp chí của nhiều nhà khoa học luật ở trong và ngoài nước.

Luận án sử dụng phương pháp tiếp cận để làm sáng tỏ về mặt khoa học từng vấn đề tương ứng, đó là các phương pháp nghiên cứu, như: lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê, v.v... Trong sự kết hợp với những liều lượng khác nhau giữa các phương pháp nghiên cứu, thì phương pháp phân tích, thống kê, so sánh là phương pháp có vai trò chủ đạo.

Việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào các tài liệu hướng dẫn thi hành BLTTHS 2003 của các cơ quan ở Trung ương, những báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) về "Tổng kết công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù" trong mười một liên tục từ năm 1998 đến năm 2008, Báo cáo của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp về kết quả bốn năm triển khai Nghị quyết 08 ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị, Báo cáo của VKSND Thừa Thiên Huế về thực hiện Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH, qua đó cho phép đánh giá hiệu quả việc áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC và kết quả giải quyết việc bồi thường cho người bị oan do người có thẩm quyền trong TTHS gây ra.

5. Những điểm mới về mặt khoa học của luận án

Công trình chuyên khảo này có sáu điểm mới, đó là:

Một là, phân tích những ưu điểm và hạn chế của các khái niệm khoa học ở trong và ngoài nước về BPNC để từ đó xây dựng khái niệm khoa học về nó dựa trên những tiêu chí sau: bản chất pháp lý, căn cứ áp dụng, người có quyền áp dụng, đối tượng bị áp dụng, mục đích và phạm vi áp dụng bảo đảm logic, chính xác, đầy đủ. Lập luận thuyết phục về bản chất pháp lý của các BPNC có tính cưỡng chế và phòng ngừa.

Hai là, phân loại các BPNC theo những căn cứ cần thiết và chỉ ra ý nghĩa của chúng để làm sâu sắc hơn khái niệm trên, đồng thời sử dụng việc phân loại đó làm tiêu chí nghiên cứu pháp luật thực định và thực tiễn sử dụng chúng.

Ba là, phân tích ba nguyên tắc áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC nhằm nâng cao nhận thức và quán triệt cho người THTT phương châm "không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội" trong phòng ngừa và ĐTCTP.

Bốn là, phân tích nội dung của từng BPNC được quy định trong BLTTHS 2003 theo các tiêu chí thống nhất, như: đối tượng bị áp dụng, căn cứ áp dụng, chủ thể có quyền áp dụng, thủ tục thực hiện và làm rõ các trường hợp thay thế, hủy bỏ các BPNC, cũng như một số nội dung bất cập của Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH.

Năm là, phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC theo hai giai đoạn 1988-2002 và 2003-2008, đồng thời phân tích, đánh giá thực tiễn việc bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan trong thời gian bốn năm (2003-2006), qua đó xác định những tồn tại và nguyên nhân của chúng.

Và sáu là, từ các tồn tại và nguyên nhân đó, luận án chỉ ra sự cần thiết, quan điểm và những định hướng hoàn thiện chế định các BPNC, qua đó đề ra phương hướng hoàn thiện nó để nâng cao hiệu quả phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam có nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý và quyền con người.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Để tạo điều kiện và mở rộng nội dung nghiên cứu đề tài này, tác giả đã công bố kết quả các công trình sau: "*Về biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam*", trong Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5, 2002; "*Biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam và thực tiễn áp dụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát các cấp tỉnh Thừa Thiên Huế*", trong Luận văn thạc sĩ Luật học, 2002; "*Một số vấn đề về thời điểm kết thúc của thời hạn được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự*", trong Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5, 2005; "*Chế định các biện pháp ngăn chặn và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Thừa Thiên Huế*", trong đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ, 2005; "*Bảo đảm quyền khiếu nại tố cáo theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*" và "*Bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*" trong hai chuyên đề bảo vệ tháng 8/2007 đã được công bố một phần tại Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 8, 2007 và số 2, 2008, đồng thời nghiên cứu đề tài khoa học của Vụ kiểm sát giam, giữ, cải tạo về "*Kháng nghị của Viện kiểm sát với các cơ quan có trách nhiệm trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù*", 2004.

Kể từ khi BLTTHS 2003 có hiệu lực pháp luật cho đến nay, luận án này là công trình chuyên khảo đầu tiên trong lĩnh vực khoa học luật TTHS ở cấp độ tiến sĩ nghiên cứu chế định các BPNC một cách hệ thống, đồng bộ về những vấn đề lý luận và thực tiễn sau đây:

- Luận án phân tích và xây dựng một hệ thống quan điểm có tính chất học thuật vào kho tàng lý luận của khoa học luật TTHS Việt Nam về các BPNC, như: các tiêu chí thống nhất để phân tích từng BPNC cụ thể; những đặc điểm của các BPNC; so sánh chúng với các biện pháp cưỡng chế TTHS khác; căn cứ phân loại các BPNC và ý nghĩa của nó; vấn đề "tiết kiệm" và hiệu quả của việc áp dụng, thay thế, hủy bỏ chúng.

- Trên cơ sở phân tích một số quy phạm pháp luật TTHS theo những đặc điểm của khái niệm BPNC đã được xây dựng, luận án đã phát hiện ba BPNC không tuân theo những nội dung cần thiết đó, gồm: a) Bắt bị can, bị cáo để tạm giam; b) Tạm giữ; c) Cấm đi khỏi nơi cư trú, đồng thời chỉ ra nhiều nguyên nhân dẫn đến việc tùy tiện sử dụng các BPNC và hiệu quả thấp của ba biện pháp: cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh và đặt tiền hay tài sản có giá trị để bảo đảm.

- Luận án còn chỉ ra những bất cập về đối tượng được bồi thường thiệt hại, trách nhiệm bồi thường, nghĩa vụ bồi hoàn và thời hiệu yêu cầu bồi thường thiệt hại trong Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH, đưa ra nhiều kiến nghị được rút ra từ thực tiễn áp dụng các BPNC thông qua việc nghiên cứu đánh giá báo cáo của VKSNDTC về "Tổng kết công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù" trong khoảng thời gian mười một năm liên tục (1988-2008), báo cáo của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương về kết quả bốn năm triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, luận án đánh giá được hiệu quả áp dụng chế định các BPNC.

- Chính vì vậy, ở một chừng mực nhất định, luận án sẽ là tài liệu bổ ích phục vụ cho công tác lập pháp và áp dụng pháp luật TTHS, cũng như là tài liệu khoa học tham khảo cho giảng viên, học viên, sinh viên và nghiên cứu sinh chuyên ngành Luật hình sự trong các cơ sở đào tạo luật học.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về chế định các biện pháp ngăn chặn trong luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2: Những quy phạm pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chế định các biện pháp ngăn chặn và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện chế định các biện pháp ngăn chặn nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN ÁN

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHẾ ĐỊNH CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm biện pháp ngăn chặn trong luật tố tụng hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm biện pháp ngăn chặn

Trên cơ sở phân tích những khái niệm khác nhau về BPNC có thể rút ra một số đặc điểm của nó, gồm: a) Bản chất pháp lý; b) Căn cứ cụ thể để áp dụng; c) Chủ thể có quyền áp dụng; d) Đối tượng bị áp dụng; e) Mục đích áp dụng, từ đó đưa ra khái niệm khoa học: *Biện pháp ngăn chặn là biện pháp cưỡng chế nhà nước mang tính phòng ngừa do người có quyền hạn được quy định trong BLTTHS áp dụng đối với người liên quan đến tội phạm chưa bị khởi tố, bị can, bị cáo, khi có căn cứ cụ thể nhằm ngăn chặn tội phạm, bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.*

1.1.2. Phân biệt các biện pháp ngăn chặn và những biện pháp cưỡng chế khác trong luật tố tụng hình sự

Xác định bốn điểm giống nhau của chúng, gồm: a) Do người có quyền hạn được quy định trong BLTTHS quyết định và quyết định áp dụng đó được thể hiện bằng hình thức văn bản; b) Đối tượng bị áp dụng có vi phạm pháp luật hình sự, pháp luật TTHS, có lỗi; c) Đối tượng bị hạn chế một số tự do và quyền công dân; d) Mục đích của chúng đều không nhằm trừng trị người phạm tội và giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội như mục đích của hình phạt, đồng thời, tìm ra bốn sự khác biệt của chúng về: a) Nội dung cưỡng chế; b) Đối tượng bị áp dụng; c) Mục đích áp dụng; d) Số lượng các biện pháp ấy.

1.1.3. Phân loại các biện pháp ngăn chặn

Việc phân loại các BPNC theo ba căn cứ: a) Phương thức tác động của các BPNC; b) Việc cách ly đối tượng khỏi cộng đồng; c) Việc phê chuẩn của VKS đều có ý nghĩa quan trọng đối với lập pháp, thực tiễn áp dụng pháp luật.

1.2. Những nguyên tắc áp dụng thay, thế, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn

1.2.1. Nguyên tắc sử dụng các biện pháp ngăn chặn để đấu tranh, xử lý tội phạm

Có ba trong bảy nội dung quan trọng hơn cả là: a) Huy động tất cả hệ thống các BPNC mà BLTTHS 2003 quy định sẽ phát huy được sức mạnh của nó trong phòng ngừa và ĐTCTP; b) Không sử dụng các BPNC để giải quyết các vi phạm pháp luật khác; c) Luôn dựa trên nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN gắn liền với nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp, pháp luật ghi nhận;...

1.2.2. Nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa

Có hai trong bảy nội dung quan trọng hơn cả là: a) Việc áp dụng các BPNC chỉ được tiến hành khi có căn cứ và cần thiết; b) Việc áp dụng các BPNC phải tuân theo quy định của BLTTHS về căn cứ, đối tượng, chủ thể có quyền và thủ tục thực hiện, cũng như mục đích áp dụng;...

1.2.3. Nguyên tắc dân chủ và nhân đạo xã hội chủ nghĩa

Có hai trong bảy nội dung quan trọng hơn cả là: a) Bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân và xác lập các quyền mới, như: bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan; b) Không áp dụng biện pháp tạm giam đối với phụ nữ đang có thai hoặc đang thời kỳ nuôi con dưới 36 tháng, người già yếu;.

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển của chế định các biện pháp ngăn chặn trong luật tố tụng hình sự Việt Nam

1.3.1. Thời kỳ phong kiến Việt Nam đến trước Cách mạng Tháng tám năm 1945

Kể từ khi Nhà nước Âu lạc hình thành cho đến Cách mạng Tháng Tám thành công thì dưới thời vua Lê Thánh Tông, Quốc triều hình luật năm 1483 mới có quy định về các BPNC. Chúng mang tính chất cụ thể, chi tiết, liệt kê, thiếu tính khái quát, tổng thể, hầu hết có tính chất bắt buộc, dứt khoát và nêu cụ thể biện pháp xử lý. Chứng tỏ, kỹ thuật lập pháp còn ở mức độ thấp nhưng thể hiện tinh thần nhân đạo nên có giá trị kế thừa để hoàn thiện pháp luật.

1.3.2. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng tám năm 1945 đến nay

BLTTHS 1988 có ý nghĩa lập pháp quan trọng khi đánh dấu mức độ pháp điển của hệ thống các BPNC độc lập, trong đó có bốn BPNC mới được thực hiện ở cộng đồng, thể hiện thái độ cương quyết phòng ngừa và ĐTCTP bằng sức mạnh của Nhà nước và toàn xã hội. BLTTHS 2003 theo hướng tăng cường dân chủ trao quyền thu thập chứng cứ cho người bào chữa và xác lập các nguyên tắc: Bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi của người bị oan là "điềm son" thể hiện rõ bản chất pháp luật XHCN.

Chương 2

NHỮNG QUY PHẠM PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CHẾ ĐỊNH CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Những quy phạm của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chế định các biện pháp ngăn chặn

2.1.1. Căn cứ chung áp dụng các biện pháp ngăn chặn

Theo Điều 79 BLTTHS xác định được bốn căn cứ chung để áp dụng các BPNC như sau: a) *Khi cần thiết để kịp thời ngăn chặn tội phạm;* b) *Khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử;* c) *Khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ tiếp tục phạm tội;* d) *Để bảo đảm thi hành án.* Tuy nhiên, nội dung của nó có sự nhầm lẫn giữa căn cứ với mục đích của các BPNC.

2.1.2. Các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam

2.1.2.1. Biện pháp bắt người

Có nhiều hạn chế của biện pháp bắt, nhưng quan trọng hơn cả là: a) Điều 80 không quy định căn cứ bắt bị can, bị cáo để tạm giam là một thiếu sót về kỹ thuật lập pháp; b)

Quy định về bắt, tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên tại Điều 303 BLTTHS có mâu thuẫn về tính chất tội phạm với quy định TNHS tại Điều 17 BLHS.

2.1.2.2. Biện pháp tạm giữ

Quan trọng hơn cả là những hạn chế sau: a) Điều 86, 87 quy định về biện pháp tạm giữ, nhưng không đề cập đến căn cứ áp dụng là một thiếu sót về kỹ thuật lập pháp; b) Quy định "Thời hạn tạm giữ được trừ vào thời hạn tạm giam" không phù hợp với thực tiễn gây khó khăn cho áp dụng;

2.1.2.3. Biện pháp tạm giam

Quan trọng hơn cả là các hạn chế sau: a) Biện pháp tạm giam được quy định tại nhiều chương khác nhau đã làm cho nó không thống nhất về căn cứ áp dụng, đơn vị tính thời gian, có chỗ không chính xác và còn thiếu; b) Thời hạn tạm giam bị kéo dài và có thể kéo dài đến vài năm được quy định phụ thuộc vào tính chất nghiêm trọng của tội phạm, từng giai đoạn tố tụng, cấp xét xử, cơ quan trả hồ sơ điều tra bổ sung mà không theo một tiêu chí thống nhất;...

2.1.3. Các biện pháp ngăn chặn khác

2.1.3.1. Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

BLTTHS không đề cập đến căn cứ và thời hạn áp dụng biện pháp này là một trong những thiếu sót về kỹ thuật lập pháp.

2.1.3.2. Biện pháp bảo lãnh

BLTTHS không quy định căn cứ áp dụng biện pháp này dựa vào tính chất cụ thể nào của tội phạm nên không có căn cứ để áp dụng và phân biệt với căn cứ áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đồng thời không chỉ thẳng trách nhiệm pháp lý: kỷ luật, hành chính hay vật chất của tổ chức, cá nhân bảo lãnh, khi bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan.

2.1.3.3. Biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm

Trình tự, thủ tục, mức tiền hoặc giá trị tài sản phải đặt để bảo đảm, việc tạm giữ, hoàn trả, không hoàn trả số tiền hoặc tài sản đó chưa được luật hóa.

2.1.3.4. Biện pháp việc giám sát đối với người chưa thành niên phạm tội

BLTTHS không quy định căn cứ áp dụng và không đề cập đến trách nhiệm của cha, mẹ hoặc người đỡ đầu của bị can, bị cáo là người chưa thành niên khi họ vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan.

2.1.4. Việc hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn

2.1.4.1. Việc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn

BLTTHS không liệt kê đầy đủ 24 căn cứ trả tự do vì hủy bỏ các BPNC và 6 trường hợp hủy đó có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan do người có thẩm quyền TTHS gây ra là thiếu sót về kỹ thuật lập pháp của Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH.

2.1.4.2. Việc thay thế các biện pháp ngăn chặn

Quy định: "Đối với những biện pháp ngăn chặn do VKS phê chuẩn thì việc hủy bỏ hoặc thay thế phải do Viện kiểm sát quyết định" tại Điều 94 BLTTHS là không chuẩn xác. Bên cạnh đó, Quyết định khởi tố bị can là tiền đề của việc áp dụng các BPNC, nhưng nội dung của nó tại Điều 126 BLTTHS thì không chỉ rõ định tính là cái gì và định lượng là bao nhiêu.

2.1.5. Việc bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan do người có thẩm quyền tố tụng hình sự áp dụng các biện pháp ngăn chặn gây ra

Nghị quyết 338/NQ-UBTVQH có những bất cập: a) Đối tượng bị oan được bồi thường thiệt hại còn thiếu chưa được điều chỉnh; b) Trách nhiệm bồi thường, nghĩa vụ hoàn trả không theo nguyên tắc lỗi; c) Thời hiệu yêu cầu bồi thường thiệt hại mâu

thuần với nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan do người có thẩm quyền TTTHS gây ra.

2.2. Thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn

2.2.1. Thực tiễn áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác

Việc áp dụng các biện pháp bắt và tạm giữ có nhiều tồn tại, nhưng nghiêm trọng hơn cả là: a) Tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp còn kéo dài và có tỷ lệ cao; b) Có 1.181 trường hợp VKS không phê chuẩn bắt khẩn cấp nhưng Cơ quan điều tra vẫn tạm giữ "thực tế"; c) Đặc biệt, do bắt khẩn cấp đã gây ra hậu quả chết người, tự sát tại Nhà tạm giữ; d) Việc áp dụng biện pháp tạm giữ đạt hiệu quả thấp tại một số địa phương (huyện Kỳ Sơn Nghệ An khởi tố 50%).

2.2.2. Thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ biện pháp tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác

Tồn tại của việc tạm giam trong mười một năm (1998- 2008) vẫn là: a) Các trường hợp tạm giữ, tạm giam được thay thế bằng các BPNC khác có 154.343 đối tượng, chiếm 20,79% là tỷ thấp; b) Để quá hạn tạm giam 4.610 đối tượng (2002- 2004); c) Bị tạm giam và bản án chưa có hiệu lực pháp luật có 14.189 bị cáo, chiếm 42,89%; d) Bị tạm giam và bản án đã có hiệu lực pháp luật có 14.154 bị cáo, chiếm 42,78%; e) Bị tạm giam do thiếu thủ tục của Tòa án có 3.578 bị cáo, chiếm 10,81%. Như vậy, trách nhiệm của Tòa án là 17.732 bị cáo, chiếm 53,59% (từ 2002 đến 2004) trong tổng số 33.082 đối tượng bị kết án đang bị tạm giam trong các trại tạm giam...

2.3. Thực tiễn bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền tố tụng hình sự áp dụng các biện pháp ngăn chặn gây ra

Nghị quyết 388 đã tạo ra sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các Cơ quan THTT người THTT, như: thận trọng rà soát các căn cứ khởi tố bị can, quán triệt quan điểm của Đảng về việc bắt, giam, giữ nên việc khởi tố, truy tố, kết tội oan và bỏ lọt tội phạm đã giảm rõ rệt... Tuy nhiên, việc bồi hoàn chưa được tổng kết, đánh giá, bên cạnh đó, nhận thức còn nửa vời về trách nhiệm của NTHTT đứng ra thực hiện thủ tục giải quyết bồi thường oan.

** Nguyên nhân của những tồn tại trong áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn*

- *Nguyên nhân khách quan:* có nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết từ phía lập pháp: a) Nội dung không rõ ràng của Điều 126 BLTTHS về định tính và định lượng để khởi tố bị can được coi là "siêu nguyên nhân"- nguyên nhân sâu xa của hầu hết những trường hợp bị áp dụng các BPNC sớm, tràn lan; b) Quan trọng hơn cả là trong BLTTHS 2003 thiếu quy phạm về "căn cứ không khởi tố bị can" nên không có căn cứ "làm phép tính loại trừ" và dễ dẫn đến sai lầm trong áp dụng, đồng thời, gây ra oan...

- *Nguyên nhân chủ quan:* có nhiều nguyên nhân, nhưng cơ bản là: a) Cán bộ điều tra có tâm lý "Bắt thay cho điều tra" nên kéo dài tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp, lạm dụng tạm giam, không phát huy hiệu quả của các BPNC khác; b) Ý thức kém đối với pháp luật nên thể hiện thái độ không nghiêm chỉnh chấp hành PLTTHS của một số Điều tra viên, Giám thị trại tạm giam dẫn đến việc đánh đập, nhục hình phạm nhân gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, không chấp hành pháp luật.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chế định các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn hiện nay

3.1.1. Yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân

a) Luật hóa số tiền và mức giá trị tài sản có giá trị để bảo đảm theo tính chất tội phạm đối với các "Tội phạm về tham nhũng" hoặc theo mức độ phạm pháp để xác định mức tối thiểu cho áp dụng quy định tại Điều 93 BLTTHS; b) Luật hóa quy định tại Điều 80 BLTTHS về căn cứ bắt bị can, bị cáo để tạm giam có sự khác biệt với căn cứ tạm giam được quy định tại Điều 88 BLTTHS theo hướng rút ngắn thời gian áp dụng;..

3.1.2. Yêu cầu cải cách tư pháp

a) Huy động sức mạnh của toàn xã hội vào công cuộc phòng ngừa và ĐTCTP bằng việc quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân vào các hoạt động giám sát, theo dõi bị can, bị cáo để nâng cao hiệu quả áp dụng chúng được thực hiện ở cộng đồng; b) Phát huy vai trò quan trọng của người bào chữa tham gia tố tụng ngay khi có quyết định tạm giữ hay khi bắt bị can, bị cáo; c) Sửa đổi ba bất cập trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2009.

3.1.3. Yêu cầu mở rộng hợp tác quốc tế

a) Rút ngắn thời hạn tạm giam trong các giai đoạn tố tụng; b) Xác định địa vị pháp lý của nhân viên lãnh sự - người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo như là người bào chữa để họ có thể bảo vệ cho công dân có yếu tố nước ngoài bị áp dụng các BPNC; c) Hợp tác với các tổ chức Cảnh sát quốc tế, khu vực để nhanh chóng có thông tin về tội phạm, nhất là loại tội phạm tham nhũng, rửa tiền, từ đó kịp thời áp dụng các BPNC; v.v ...

3.2. Những quan điểm cơ bản về xây dựng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chế định các biện pháp ngăn chặn

3.2.1. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

a) Trước tiên và quan trọng hơn cả là sửa Điều 126 BLTTHS về khởi tố bị can khi có đủ sự kiện chính và bổ sung các căn cứ không khởi tố bị can với mô hình có trong luận án; b) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can trong một số loại tội và giảm thời hạn tạm giam;...

3.2.2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân

a) Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, xác định rõ chế độ trách nhiệm của luật sư; b) Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động tư pháp;..

3.2.3. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

a) Xây dựng cơ chế phát huy sức mạnh của nhân dân, cơ quan, tổ chức quần chúng trong việc phòng ngừa tham nhũng; b) Tăng quyền hạn, trách nhiệm tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán để họ chủ động thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập, chịu trách nhiệm trong hoạt động tố tụng;...

3.2.4. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế

a) Tiếp tục ký kết Hiệp định TTTP và PL với những nước có nhiều người Việt Nam sinh sống có nội dung bắt, tạm giữ phù hợp với BLTTHS 2003; b) Ký kết gia nhập các công ước quốc tế về chống khủng bố, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, chống rửa tiền, chống tham nhũng.

3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chế định các biện pháp ngăn chặn trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

3.3.1. Giải pháp lập pháp

- Hạn chế áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và chỉ áp dụng khi có căn cứ. Trước tiên và quan trọng hơn cả là sửa Điều 126 BLTTHS về khởi tố bị can khi có đủ sự kiện chính và cần luật hóa các căn cứ không khởi tố bị can.

3.3.2. Giải pháp áp dụng pháp luật

Đối với CQĐT: a) Trước tiên và quan trọng nhất là nâng cao chất lượng công tác áp dụng biện pháp bắt khẩn cấp nhằm khắc phục tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp; b) Chấm dứt những việc nhục hình, tra tấn trong điều tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật trong điều tra. *Đối với VKS:* a) Gặp đối tượng bị bắt khẩn cấp để lấy lời khai làm rõ trường hợp bắt và hành vi phạm tội của họ, trước khi, ra quyết định phê chuẩn hay từ chối trước khi; b) Khi nghiên cứu hồ sơ gia hạn tạm giữ, cần đánh giá phân loại từng trường hợp bắt quả tang. Nếu đó là vi phạm hình sự mới gia hạn tạm giữ, tuyệt đối không gia hạn tạm giữ đối với vi phạm hành chính. *Đối với Tòa án:* Thẩm phán đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của người phạm tội để xác định việc có cần thiết tiếp tục áp dụng biện pháp tạm giam hay thay đổi BPNC khác; *Đối với người quản lý trại tạm giam:* a) Thông báo bằng văn bản đúng thời hạn cho cơ quan đang thụ lý vụ án có người bị tạm giữ, tạm giam chuẩn bị hết thời hạn tạm giữ, tạm giam; b) Báo cáo kịp thời các trường hợp giam, giữ, trả tự do trái pháp luật;

3.3.3. Giải pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng nghiệp vụ

Trong nhiều giải pháp thì quan trọng nhất là: a) Cần quán triệt đầy đủ quan điểm của Đảng: "Việc bắt, giam phải được xem xét cụ thể; đối với trường hợp bắt, giam cũng được không bắt, giam cũng được thì không bắt, giam." trong Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị; b) Cần xác định tư tưởng "trọng chứng cứ hơn trọng cung" cho điều tra viên để khắc phục tình trạng "bắt thay cho điều tra";

3.3.4. Các giải pháp khác

Có nhiều giải pháp mà quan trọng hơn cả là: a) Thực hiện chuyên môn hóa lực lượng điều tra, nhất là lực lượng điều tra những vụ án tham nhũng và vụ án có đối tượng phạm tội là người chưa thành niên; b) Sắp xếp bộ máy của Tòa án cho phù hợp để thực hiện quy trình thụ lý hồ sơ vụ án qua các khâu để kịp thời quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các BPNC;...

KẾT LUẬN

Tóm lại, nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ luật học: "**Chế định các biện pháp ngăn chặn theo luật tố tụng hình sự Việt Nam**" cho phép chúng tôi đưa ra một số kết luận chung dưới đây:

1. Các BPNC là một chế định quan trọng của pháp luật TTHS. Bởi vì, chúng là biện pháp cưỡng chế Nhà nước mang tính phòng ngừa do người có quyền hạn được quy định trong BLTTHS áp dụng đối với người có liên quan đến việc thực hiện tội phạm chưa bị khởi tố, bị can, bị cáo để ngăn chặn tội phạm và bảo đảm cho điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nên được coi là phương tiện pháp lý sắc bén, có hiệu quả nhất để giải quyết tình hình tội phạm. Chúng còn thể hiện chuyên chính của Nhà nước ta trong phòng ngừa và ĐTCTP bằng sức mạnh cưỡng chế, tính ưu việt của Nhà nước XHCN; tạo điều kiện thuận

lợi cho cả quá trình xử lý vụ án, tôn trọng và bảo vệ quyền cá nhân được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận.

2. Việc nghiên cứu ba nguyên tắc áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC, như: sử dụng các BPNC để đấu tranh, xử lý tội phạm; bảo đảm pháp chế XHCN và dân chủ, nhân đạo XHCN có ý nghĩa quan trọng nâng cao nhận thức cho người có quyền hạn tổ tụng để áp dụng chúng trong thực tiễn phòng ngừa và ĐTCTP làm giảm tình hình tội phạm dựa trên các căn cứ, phạm vi, mục đích được xác định trong điều luật đối với mỗi BPNC cụ thể, đồng thời, không để xảy ra những vi phạm pháp luật trong áp dụng chúng. Bên cạnh đó, khi áp dụng các BPNC, người THTT còn phải thực hiện những quy định mang tính nhân đạo đối với những đối tượng trên.

3. Từ thời Lê Sơ và sau đó trong từng triều đại phong kiến tiếp theo, chế định các BPNC đã được đề cập với mức độ khác nhau về số lượng, thủ tục áp dụng, trách nhiệm của nhà chức trách khi để xảy ra hậu quả xấu đối với người bị giam và các giá trị nhân đạo của nó. Các BPNC được quy định tập trung tại nhiều Bộ luật tiêu biểu, như: Bộ Quốc triều hình luật (1483), Hoàng Việt luật lệ (1813), BLTTHS được áp dụng ở Bắc Kỳ (1818). Đặc biệt, Bộ Quốc triều hình luật đã phản ánh khá trung thực trạng thái chính trị, kinh tế, xã hội nước ta vào thế kỷ XV. Chính điều đó đã tạo nên giá trị đương đại, những nét riêng của các bộ cổ luật Việt Nam. Thời kỳ sau Cách mạng tháng Tám đến nay, đỉnh cao lập pháp về chế định các BPNC được xác định khi thiết lập chúng thành hệ thống độc lập với 7 biện pháp, trong đó có ba biện pháp lần đầu tiên được đề cập thực hiện ở cộng đồng xã hội mà không phải cách ly được quy định tại BLTTHS năm 1988. Các biện pháp đó được tiếp tục hoàn thiện trong BLTTHS năm 2003 theo hướng dân chủ, bảo vệ quyền và tự do.

4. Các BPNC được quy định trong BLTTHS năm 2003, Hiệp định TTTP&PL là cơ sở pháp lý cho công cuộc phòng ngừa và ĐTCTP, đồng thời, cũng là phương tiện pháp lý để bảo vệ quyền và tự do cá nhân. Bên cạnh đó, Nghị quyết 388/NQ-UBTVQH về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong TTHS gây ra và Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 đều là cơ sở pháp lý giải quyết nếu oan xảy ra. Tuy nhiên, chúng có một số nội dung không rõ hoặc không được điều chỉnh, thậm chí mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến hiệu quả áp dụng.

5. Nghiên cứu thực tiễn áp dụng, thay thế, hủy bỏ các BPNC cho thấy: lạm dụng bắt khẩn cấp; số đối tượng bị bắt không khởi tố và trả tự do còn chiếm tỷ lệ cao; xu hướng áp dụng biện pháp tạm giam có tỷ lệ cao và tăng lên, ngược lại với xu hướng áp dụng các BPNC khác: cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hay tài sản có giá trị để bảo đảm lại thấp và giảm dần; nhiều người bị tạm giam mà không có lệnh tại giai đoạn xét xử; không ít vi phạm trong áp dụng các BPNC gây ra hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt có lúc tính mạng, sức khỏe của người bị tạm giữ bị chính Điều tra viên xâm phạm; Việc giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị oan chỉ đạt kết quả ở mức trung bình; nhiều đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại còn tồn đọng chưa giải quyết.

6. Sự cần thiết của việc hoàn thiện chế định các BPNC xuất phát từ: a) Yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, yêu cầu cải các tư pháp và yêu cầu mở rộng hợp tác quốc tế; b) Thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống và sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí đang diễn ra nghiêm trọng, ngăn chặn chưa hiệu quả tình hình tội phạm; c) Đòi hỏi của nhân dân bảo vệ quyền tự do, dân chủ và những mục tiêu, quan điểm, định hướng của Đảng ta về xây dựng và hoàn thiện pháp luật theo những yêu cầu và các phương hướng cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng.

7. Việc hoàn thiện chế định các BPNC dựa trên quan điểm cơ bản, định hướng của Đảng ta về xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, như: xây

dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế, cũng như các phương hướng cụ thể theo từng quan điểm cơ bản và định hướng nói trên.

8. Việc hoàn thiện chế định các BPNC nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng được xem xét trên ba phương diện: thực tiễn, lý luận và lập pháp. Cả ba phương diện này đều nhằm giải quyết thực tiễn áp dụng có hiệu quả thấp của ba biện pháp: cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh và đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm; nhiều trường hợp lạm dụng bất khẩn cấp, tạm giam; tạm giữ hình sự thay cho tạm giữ hành chính và những vi phạm trong áp dụng BPNC gây hậu quả nghiêm trọng, như: dùng tra tấn, nhục hình biên tướng, gây chết người. Sự cần thiết và những quan điểm cơ bản, cũng như định hướng của từng quan điểm nêu trên sẽ là tiền đề quan trọng cho phương hướng thiết lập các kiến giải về lập pháp, áp dụng pháp luật, tuyên truyền giáo dục pháp luật và một số giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chế định các BPNC. Trong các giải pháp đó, thì giải pháp tuyên truyền giáo dục pháp luật là tiền đề, tiến hành thường xuyên lâu dài và bền bỉ. Nó có tác dụng nâng cao nhận thức của người THPT, người có trách nhiệm trong việc quản lý nơi giam, giữ, đồng thời, cũng là biện pháp phòng ngừa tội phạm xảy ra trong khâu bắt, giam, giữ.

9. Và cuối cùng, trong một chừng mực nhất định, luận án tiến sĩ luật học này đã góp phần vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đối với chế định các BPNC, góp phần hoàn thiện các quy phạm pháp luật TTHS về chế định các BPNC, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nâng cao hiệu quả của chúng trong phòng ngừa và DTCTP. Đây là hướng nghiên cứu cần thiết dưới góc độ nhận thức khoa học và là đánh giá thực tiễn áp dụng chế định các BPNC trong khoa học luật TTHS nước ta hiện nay.

Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn, tác giả hy vọng rằng các kết quả được rút ra từ luận án sẽ đóng góp một phần vào việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các BPNC, góp phần bảo vệ pháp chế XHCN, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; đảm bảo thực hiện nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, phấn đấu xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam